

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY ĐẠI CHỨNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI- KIM BÀI**  
**Năm báo cáo: 2019**

**I. Thông tin chung**

*1. Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Bia Hà Nội- Kim Bài**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0500293795**
- Vốn điều lệ: 39 860 000 000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 39 860 000 000 đồng
- Địa chỉ: Thị trấn Kim Bài- Thanh Oai- TP Hà Nội
- Số điện thoại: 024 33 873 036
- Số Fax: 024 33 871 006
- Website: [www.hkbeco.vn](http://www.hkbeco.vn)
- Mã cổ phiếu: BHK

**Quá trình hình thành và phát triển:**

Năm 2005, Công ty chế biến kinh doanh lương thực và thực phẩm Hà Tây thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, bán toàn bộ vốn Nhà nước cho cán bộ công nhân viên trong Công ty và đổi tên thành Công ty Cổ phần Bia Kim Bài.

Năm 2008 là Công ty liên kết của Tổng Công ty CP Bia- Rượu- NGK Hà Nội, được Tổng Công ty cơ cấu lại vốn điều lệ từ 8 tỷ lên 13 tỷ và đổi tên thành Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Kim Bài. Từ đó đến nay Công ty là đơn vị thành viên của Tổng Công ty cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội.

Hiện tại vốn điều lệ của Công ty là 39,86 tỷ.

Sản lượng Bia sản xuất và tiêu thụ các loại năm 2019 đạt hơn 30 triệu lít/năm.

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- a. Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh Bia các loại;
- b. Địa bàn kinh doanh

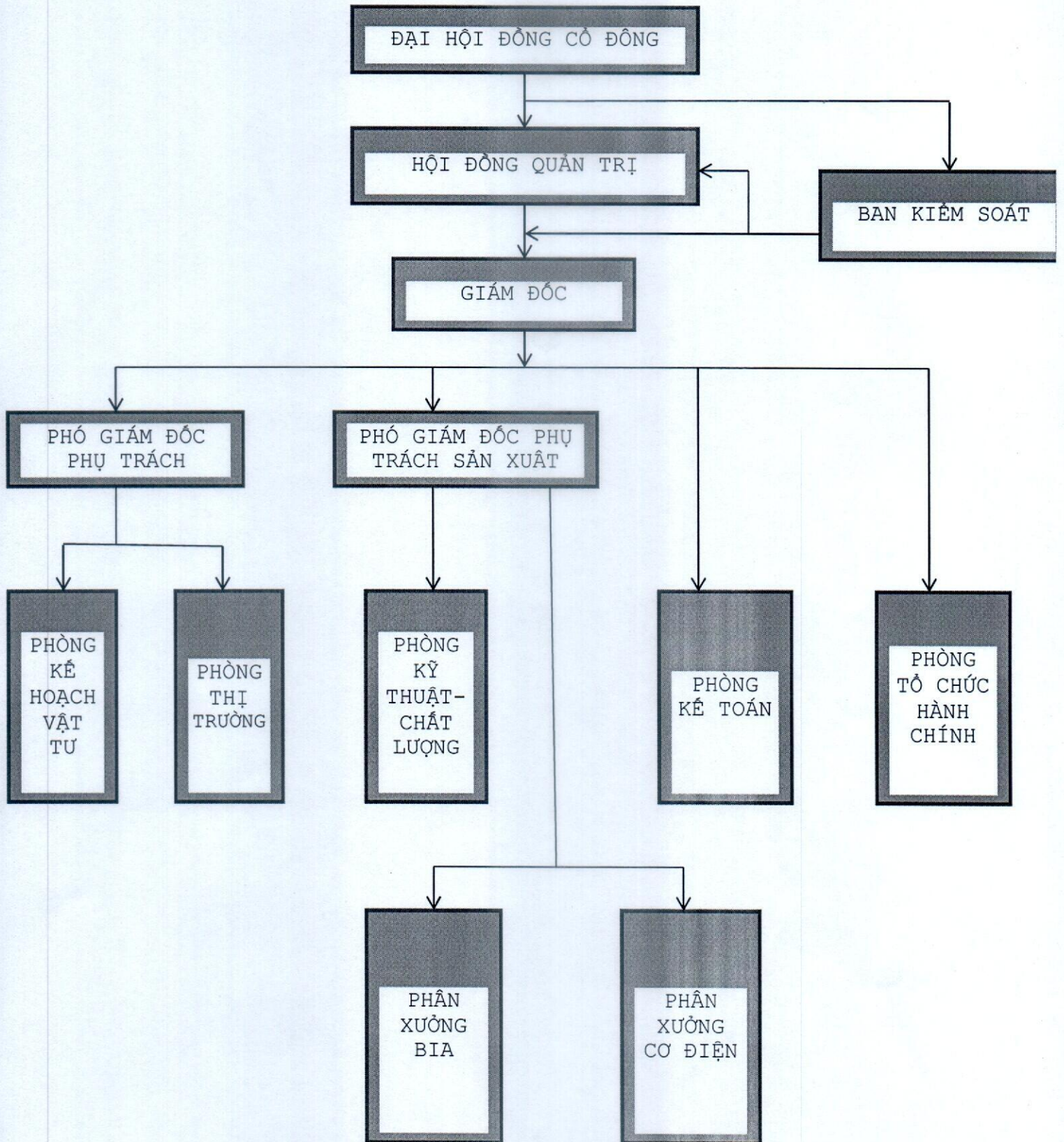
Các tỉnh Lạng Sơn, Sơn la, Hoà Bình, Hà Nội và một số tỉnh miền Bắc.

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- a. Tổ chức kinh doanh: Công ty CP Bia Hà Nội- Kim Bài

*Địa chỉ: Thị trấn Kim Bài- Thanh Oai- Hà Nội*

b. Cơ cấu bộ máy quản lý.



#### **4. Định hướng phát triển**

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Phát triển ổn định, đảm bảo thu nhập cho cán bộ, công nhân viên lao động và cổ tức cho các cổ đông với mục tiêu năm sau cao hơn năm trước.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tốc độ tăng trưởng sản lượng tiêu thụ năm sau cao hơn năm trước.
- Khai thác thế mạnh sản phẩm Bia hơi Hà Nội, Bia Kim Bài
- Phát triển hệ thống phân phối mạng lưới thị trường tiêu thụ, phát triển thị trường tiềm năng sẵn có.
- Phát triển sản phẩm khai thác hiệu quả của dây truyền sản xuất Bia hơi, bia chai.
- Đảm bảo nguồn vốn được sử dụng hiệu quả.
- Sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

c. Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- Công ty CP Bia Hà Nội- Kim Bài sản xuất kinh doanh ngành đồ uống, Công ty luôn nâng cao ý thức cộng đồng, thực hiện trách nhiệm đối với xã hội thông qua:

- Cung cấp sản phẩm đạt chất lượng tốt đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.
- Đảm bảo cổ tức cho các cổ đông góp vốn.
- Hợp đồng mua bán với các đại lý khách hàng trên nguyên tắc đôi bên cùng có lợi.
- Cải thiện đời sống vật chất, tinh thần và môi trường làm việc cho người lao động
- Công tác vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ được ban lãnh đạo quan tâm, xử lý nguồn nước thải theo đúng tiêu chuẩn của ngành và của nhà nước, sản xuất luôn tuân thủ an toàn vệ sinh thực phẩm, yêu cầu bảo vệ môi trường.

#### **5. Các rủi ro:**

a. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng bởi nhiều bộ luật như: Luật Doanh nghiệp, luật thuế, luật lao động....những thay đổi và điều chỉnh như mức mức thuế tiêu thụ đặc biệt tăng cũng có phần ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty.

Là Doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần và đăng ký giao dịch Upcom, công ty sẽ chịu sự tác động của luật chứng khoán, các quy định của UBCKNN và sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

b. Rủi ro tín dụng

Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh và từ hoạt động tài

chính bao gồm: tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

c. Rủi ro lãi suất

Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay ngắn hạn, trung hạn.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019

| Chi tiêu             | Năm 2019        | Năm 2018        | Tăng/ Giảm     | SS Tỷ lệ % |
|----------------------|-----------------|-----------------|----------------|------------|
| Doanh thu thuần      | 182 963 666 131 | 153 425 443 270 | 29 538 222 861 | 119,25     |
| Lợi nhuận trước thuế | 12 528 265 513  | 9 035 840 783   | 3 492 424 730  | 138,65     |
| Lợi nhuận sau thuế   | 10 019 531 339  | 7 226 478 958   | 2 793 052 381  | 138,65     |

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

| Chi tiêu             | Năm 2019        | Kế hoạch        | Tăng/ Giảm     | Tỷ lệ % |
|----------------------|-----------------|-----------------|----------------|---------|
| Doanh thu thuần      | 182 963 666 131 | 162.524.603.000 | 20 439 063 131 | 112,58  |
| Lợi nhuận trước thuế | 12 528 265 513  | 11 570 003 010  | 958 262 503    | 108,28  |
| Lợi nhuận sau thuế   | 10 019 531 339  | 9 256 003 010   | 763 528 329    | 108,25  |

### 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành

| STT | Họ tên              | Chức danh      | Năm sinh | CMTND        |
|-----|---------------------|----------------|----------|--------------|
| 1   | Phạm Trung Kiên     | Chủ tịch HĐQT  | 1970     | 013350289    |
| 2   | Phạm Văn Khánh      | Giám đốc       | 1957     | 001057002430 |
| 3   | Lê Văn Chính        | Phó giám đốc   | 1961     | 001061009949 |
| 4   | Trương Văn Hải      | Phó giám đốc   | 1964     | 110616180    |
| 5   | Vũ Thị Thương Huyền | Kế toán trưởng | 1971     | 111067564    |

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

| Phân loại                     | Số lượng   | Tỷ lệ (%)  |
|-------------------------------|------------|------------|
| <b>Trình độ lao động</b>      | <b>207</b> | <b>100</b> |
| - Thạc sĩ                     | 1          | 0,47       |
| - Cử nhân (Đại học, Cao đẳng) | 70         | 34         |
| - Trung học chuyên nghiệp     | 31         | 15         |
| - Phổ thông trung học         | 105        | 51         |
| <b>Giới tính</b>              | <b>207</b> | <b>100</b> |
| Lao động nữ                   | 104        | 50         |
| Lao động nam                  | 103        | 50         |

### ***3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện trong năm 2019***

Năm 2019 Công ty đã thực hiện đầu tư tài sản cố định và dụng cụ bán hàng gần 10 tỷ đồng

### ***4. Tình hình tài chính***

| Chỉ tiêu                          | Năm 2018        | Năm 2019        | SS % năm 2019 với năm 2018 |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|----------------------------|
| Tổng giá trị tài sản              | 102 844 870 315 | 94 439 857 172  | 91,83                      |
| Doanh thu thuần                   | 153 425 443 270 | 182 963 666 131 | 119,25                     |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 7 106 859 333   | 9 732 892 908   | 136,95                     |
| Lợi nhuận khác                    | 1 928 981 450   | 2 795 372 605   | 144,91                     |
| Lợi nhuận trước thuế              | 9 035 840 783   | 12 528 265 513  | 138,65                     |
| Lợi nhuận sau thuế                | 7 226 478 958   | 10 019 531 339  | 138,65                     |

### 5. Cơ cấu cổ đông.

a) Cổ phần: - Tổng số cổ phần 3 986 000 cổ phần

- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông

b) Cơ cấu cổ đông

| TT | Cổ đông            | Số lượng | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ/ Vốn điều lệ |
|----|--------------------|----------|------------------|--------------------|
| I  | Cổ đông trong nước | 267      | 3.986.000        | 100%               |
| 1  | Tổ chức            | 4        | 2.054.000        | 51,5 %             |
| 2  | Cá nhân            | 263      | 1.932.000        | 48,5%              |
| II | Cổ đông nước ngoài | 0        | 0                |                    |

### 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

#### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm của Công ty theo quy định của ngành Bia- Rượu- NGK.

b) Các báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế, sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty cho cấp quản lý trực tiếp theo định kỳ.

#### 6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp năm 2019:

- Điện tiêu thụ: 3.569.000 kw

- Hơi tiêu thụ: 10.518 tấn

- Dầu diezen: 1.500 lít

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Năng lượng tiết kiệm thông qua việc thay thế giàn trao đổi nhiệt hệ thống Máy lạnh nhằm tăng hiệu suất làm mát của hệ trao đổi nhiệt từ đó làm giảm tải cho máy nén ( giải pháp thực hiện từ tháng 05 năm 2019 tiết kiệm được 255.660 kw)

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng gửi cho cơ quan cấp trên khi có yêu cầu. Năm 2019 đơn vị được công nhận Danh hiệu “sử dụng năng lượng xanh đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong sản xuất công nghiệp” của Ban chủ nhiệm chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

#### 6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm )

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: 39.420 m<sup>3</sup> nguồn nước ngầm.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 3.636 m<sup>3</sup>

#### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không**

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không**

#### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động bình quân năm 2019 là gần 200 người, mức lương trung bình đối với người lao động là 7,5 triệu đồng/ người/ tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Đảm bảo 100% CBCNVLĐ được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ chính sách theo quy định hiện hành của nhà nước như ốm đau thai sản, chế độ tiền lương, thưởng, thanh toán tiền phép đầy đủ. Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. Năm 2019 Công ty phối hợp với Công đoàn hỗ trợ 100% chi phí tổ chức thăm quan, nghỉ mát cho toàn thể CBCNVLĐ trong Công ty 3 ngày 2 đêm tại Quảng Bình- Quảng Trị để động viên CB công nhân sau những ngày làm việc vất vả với tổng chi phí khoảng gần 1 tỷ đồng. Bảo vệ quyền lợi của đoàn viên, thanh niên trong quá trình công tác làm việc tại Công ty.

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Hàng năm Công ty tổ chức tập huấn cho CBCNVLĐ trong Công ty các lớp ATVSLĐ- PCCN, an toàn vệ sinh thực phẩm, các lớp đào tạo ngắn hạn do cấp trên tổ chức.

#### 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động ủng hộ từ thiện được Công ty quan tâm như ủng hộ quỹ xã hội, nạn nhân chất độc da cam, quỹ vì người nghèo, các hoạt động của địa phương tại địa bàn Công ty đóng năm 2019 tổng số tiền ủng hộ từ thiện hơn 100 triệu đồng.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động SXKD năm 2019

| STT | Chỉ tiêu                  | ĐVT                | KH năm 2019           | TH năm 2019            | % TH 2019/<br>KH 2019 |
|-----|---------------------------|--------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| 1   | Tổng Doanh thu thuần      | Đồng               | 162.524.603.000       | <b>182.963.666.131</b> | <b>112,58</b>         |
| 2   | Tổng lợi nhuận trước thuế | Đồng               | <b>11.570.003.762</b> | <b>12.528.265.513</b>  | <b>108,25</b>         |
| 3   | Lao động bình quân        | Người              | <b>211</b>            | <b>207</b>             | <b>98,1</b>           |
| 4   | Thu nhập bình quân        | Tr đ/ người/ tháng | <b>7.000.000</b>      | <b>7.500.000</b>       | <b>107,1</b>          |
| 5   | Tỷ lệ chia cổ tức         | %                  | <b>15</b>             | <b>Trình ĐHCĐ</b>      |                       |

## 2. Tình hình tài chính`

### a) Tình hình tài sản

| STT       | Chỉ tiêu                       | Cuối năm              | Đầu năm                | So sánh ( % ) |
|-----------|--------------------------------|-----------------------|------------------------|---------------|
| <b>I</b>  | <b>Tài sản ngắn hạn</b>        | <b>20.529.267.274</b> | <b>17.396.542.600</b>  | <b>118,01</b> |
| 1         | Tiền và khoản tương đương tiền | 1.240.813.675         | 444.779.751            | 278,97        |
| 2         | Đầu tư tài chính ngắn hạn      |                       |                        |               |
| 3         | Các khoản phải thu ngắn hạn    | 11.414.424.992        | 5.906.248.606          | 193,26        |
| 4         | Hàng tồn kho                   | 7.874.028.607         | 11.045.514.243         | 71,29         |
| <b>II</b> | <b>Tài sản dài hạn</b>         | <b>73.910.589.898</b> | <b>85.448.327.715</b>  | <b>86,50</b>  |
| 1         | Tài sản cố định                | 65.825.626.837        | 72.512.980.938         | 90,78         |
| 2         | Tài sản dở dang dài hạn        |                       |                        |               |
| 3         | Tài sản dài hạn khác           | 8.084.963.061         | 12.935.346.777         | 62,5          |
| 4         | Nợ phải trả                    |                       |                        |               |
|           | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>       | <b>94.439.857.172</b> | <b>102.844.870.315</b> | <b>91,83</b>  |

### b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

| STT       | Chỉ tiêu                         | Cuối năm              | Đầu năm               | So sánh ( % ) |
|-----------|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|---------------|
| <b>I</b>  | <b>Nợ phải trả</b>               | <b>39.515.017.205</b> | <b>51.645.842.487</b> | <b>76,51</b>  |
| 1         | Phải trả người bán ngắn hạn      | 1.194.701.480         | 1.059.857.325         | 112,72        |
| 2         | Thuế và các khoản ngắn hạn khác  | 15.334.906.627        | 5.889.255.422         | 260,39        |
| 3         | Phải trả người lao động          | 2.982.379.387         | 2.330.168.399         | 127,99        |
| 4         | Phải trả ngắn hạn khác           | 14.584.853.400        | 12.783.452.600        | 114,09        |
| 5         | Vay và nợ thuê tài chính         | 600.000.000           | 20.877.402.980        | 2,87          |
| 6         | Quỹ khen thưởng, phúc lợi        | 1.647.766.311         | 1.131.823.311         | 145,59        |
| <b>II</b> | <b>Nợ dài hạn</b>                | <b>3.114.750.000</b>  | <b>7.472.182.450</b>  | <b>41,68</b>  |
| 1         | Phải trả dài hạn khác            | 21.250.000            | 21.250.000            | 100           |
| 2         | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 3.093.500.000         | 7.450.932.450         | 41,52         |

Nợ xấu phải thu: Không có

Tài sản xấu ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh: Không có



### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

- Hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, hầu hết các cổ đông là cán bộ công nhân viên lao động trong Công ty nên Bộ máy tổ chức từ Ban lãnh, các phòng ban nghiệp vụ, công nhân sản xuất bố trí lao động với số lượng hợp lý, chất lượng được đảm bảo, không để chỗ thừa, chỗ thiếu ảnh hưởng đến thu nhập và chất lượng công việc của người lao động.

- Khi có nghị định, thông tư mới của cơ quan quản lý nhà nước Các phòng ban nghiệp vụ được tập huấn các lớp ngắn hạn để thực hiện đúng các chính sách, quy định của pháp luật hiện hành vận dụng vào điều kiện thực tiễn của Công ty.

- Tuyên truyền và phổ biến, quán triệt, thực hiện nghiêm túc các quy định về pháp luật nhà nước.

- Công tác quản lý được nâng cao, áp dụng kỹ thuật khoa học vào sản xuất mục tiêu tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm. Có chế độ khen thưởng thường xuyên đối với người lao động có sáng kiến cải tiến kỹ thuật đem lại lợi ích cho Công ty, kỷ luật đối với những lao động vi phạm nội quy, quy chế của Công ty.

### **4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.**

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.

Đẩy mạnh hoạt động tiết kiệm nguồn tài nguyên, năng lượng.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

Đảm bảo an toàn trong sản xuất. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức đến toàn thể CBCNVLĐ trong công ty, xây dựng ý thức thực hiện thường xuyên sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Thực hiện đầy đủ và phù hợp các yêu cầu pháp luật của Nhà nước quy định.

### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)**

#### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Việc triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT đã tập trung rà soát để hoàn thiện các quy định, quy chế quản lý nội bộ cho phù hợp với tình hình hiện tại của Công ty. Tích cực xem xét đầu tư đổi mới kịp thời trang thiết bị mới có hiệu quả với nỗ lực cao của toàn thể ban lãnh đạo và CNVLĐ, sự chỉ đạo sát sao của HĐQT năm 2019 Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ SXKD Đại hội đồng cổ đông giao cho các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, thu nhập năm sau đều cao hơn năm trước, đời sống của người lao động được cải thiện cả về vật chất lẫn tinh thần, công tác quản lý tốt, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động, kiểm soát tốt

chi phí đầu vào, đầu ra, hạch toán kế toán đúng theo quy định của pháp luật và được kiểm toán xác nhận đáp ứng được yêu cầu đề ra của HĐQT, giữ gìn vệ sinh môi trường, thực hiện tốt công tác an ninh quốc phòng, làm tốt công tác ủng hộ, từ thiện xã hội.

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trong bối cảnh kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, nhu cầu người tiêu dùng về sản phẩm Bia bị sụt giảm. Năm 2019 Ban giám đốc Công ty đã luôn nhiệt huyết, nỗ lực làm việc và có những quyết định linh hoạt, kịp thời để giữ vững và mở rộng thị trường, thực hiện tiết kiệm đảm bảo SXKD năm 2019 có hiệu quả năm sau cao hơn năm trước. Quá trình điều hành, giám đốc đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, thực hiện đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quyết định của Hội đồng quản trị. Ban lãnh đạo đề ra các chương trình, giải pháp và quyết định phù hợp và tình hình thực tế của thị trường, chủ động trong việc tổ chức kinh doanh, mang lại hiệu quả cho Công ty, đúng quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đồng thời đảm bảo sự phát triển của Công ty. Các thành viên trong Ban giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành Công ty trong việc triển khai thực hiện Nghị Quyết của Hội đồng quản trị và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đã phối hợp tốt với Ban điều hành chỉ đạo, tổ chức toàn diện mọi hoạt động của Công ty góp phần quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh mà nghị quyết đã đề ra.

### a. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty xây dựng định hướng mục tiêu kinh doanh năm 2020 gồm:

| STT | Chỉ tiêu             | Kế hoạch 2020   |
|-----|----------------------|-----------------|
| 1   | Doanh thu            | 231.000.000.000 |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế | 8.600.000.000   |
| 3   | Nộp ngân sách        | 123.000.000.000 |
| 4   | Lao động bình quân   | 200             |
| 5   | Thu nhập bình quân   | 6.200.000       |

- Năm 2020 tình hình SXKD của Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn, sự cạnh tranh của các hãng Bia trong và ngoài nước, sau khi Luật phòng chống tác hại của rượu bia có hiệu lực từ ngày 1/1/2020, cấm lái xe sau khi uống rượu Bia, xử nặng tài xế uống rượu bia sẽ có tác động đến các doanh nghiệp trong lĩnh vực Bia- Rượu, sản

lượng tiêu thụ của ngành Bia – Rượu bị ảnh hưởng và giảm mạnh. Để có chỗ đứng trên thị trường và đạt được chỉ tiêu kế hoạch đề ra; Công ty cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ:

- Tăng cường công tác bán hàng tiếp tục mở rộng thị trường, tìm kiếm thị trường tiềm năng, phát triển thị trường hiện có của Công ty.

- Nâng cao năng lực của cán bộ quản điều hành Công ty và trình độ người lao động nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm số lượng lao động thủ công.

- Tiết kiệm chi phí tối đa trong các khâu từ sản xuất đến tiêu thụ, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

**V. Quản trị công ty** ( Công ty không niêm yết không công bố các thông tin tại mục này)

## **VI. Báo cáo tài chính**

### **1. Ý kiến kiểm toán**

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Bia Hà Nội- Kim Bài tại ngày 31/ 12/ 2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán tài chính, Báo cáo kết quả SXKD của Công ty, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán**

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



**GIÁM ĐỐC**  
*Phạm Văn Khánh*